

Số: 1640/TTr-UBND

Thanh Trị, ngày 30 tháng 11 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước,  
chi ngân sách huyện Thanh Trị năm 2023**

**Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị.**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 quy định thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3335/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 30/6/2023 của Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị khoá XII, kỳ họp lần thứ 10 về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách Thanh Trị năm 2023;

Quá trình điều hành ngân sách huyện Thanh Trị trong 6 tháng cuối năm 2023 có phát sinh một số khoản thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện thay đổi so với dự toán đã điều chỉnh 6 tháng đầu năm như: ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện theo quy định.

Căn cứ quy định và tình hình phát sinh nêu trên, UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện Thanh Trị năm 2023, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 số tiền: 10.350.802.989 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 590.249.671.233 đồng**

**2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2023: 10.350.802.989 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 590.249.671.233 đồng, trong đó:**

**2.1 Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện: 9.648.321.614 đồng, dự toán sau điều chỉnh: 514.583.453.409 đồng.**

**2.2 Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp xã: 702.481.375 đồng. Dự toán chi sau điều chỉnh: 75.666.217.824 đồng.**

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*





Ngoài ra, trong điều hành ngân sách những ngày cuối năm 2023, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh tại Tờ trình này) đề nghị HĐND huyện giao cho UBND huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh vào báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 và báo cáo HĐND huyện trong kỳ họp giữa năm 2023.

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện Thạnh Trị năm 2023 kính trình trước kỳ họp lần 13, HĐND huyện khóa XII xem xét, quyết định./l

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận: 7w*

- Như trên;
- TT.HU, TT.HĐND;
- Đại biểu HĐND;
- Thành viên UBND;
- Lưu: VT, NC.



**Lê Thanh Chúc**







**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Tờ trình số 16/HO /TTr-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trì)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh 6 tháng năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu phần đầu HĐND huyện giao)	34.000.000.000	0	34.000.000.000	
	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu tỉnh giao): trong đó thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 31.100.000.000 đồng	31.100.000.000		31.100.000.000	
B	Dự toán thu ngân sách huyện	579.898.868.244	10.350.802.989	590.249.671.233	
I	Dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	31.100.000.000	0	31.100.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	456.024.066.974	10.350.802.989	466.374.869.963	
1	Thu bổ sung cân đối	375.270.000.000		375.270.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm	29.990.000.000		29.990.000.000	
	Từ nguồn xổ số kiến thiết	29.990.000.000		29.990.000.000	
3	Thu bổ sung trong năm	50.764.066.974	10.350.802.989	61.114.869.963	
3.1	Thu bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	12.291.000.000	350.000.000	12.641.000.000	
3.1.1	Kinh phí chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	8.183.000.000		8.183.000.000	
3.1.2	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	1.498.000.000	350.000.000	1.848.000.000	
-	Quản lý, điều hành, giám sát, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình, ...(cấp huyện 80 triệu đồng/huyện, thị xã; cấp xã 40 triệu đồng/xã)	400.000.000		400.000.000	
-	Đối ứng với ngân sách Trung ương thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nội dung chính trang diện mạo nông thôn	848.000.000		848.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi	50.000.000		50.000.000	





STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh 6 tháng năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
-	Hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và năm 2022 (các xã Tuần Túc, Châu Hưng) thực hiện nâng chất các tiêu chí nông thôn mới (100 triệu đồng/xã)	50.000.000		200.000.000	
-	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (nguồn ngân sách tỉnh (vốn sự nghiệp))		350.000.000	350.000.000	
3.1.3	Kinh phí vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	2.610.000.000		2.610.000.000	
-	Thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	2.360.000.000		2.360.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường	200.000.000		200.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi	50.000.000		50.000.000	
3.2	Thu bổ sung chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số	23.709.610.000	0	23.709.610.000	
3.2.1	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển))	13.433.604.000		13.433.604.000	
3.2.2	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))	10.276.006.000		10.276.006.000	
3.3	Thu bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	5.885.000.000	0	5.885.000.000	
	KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))	5.885.000.000		5.885.000.000	
3.4	Thu bổ sung có mục tiêu	8.878.456.974	10.000.802.989	18.879.259.963	



STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh 6 tháng năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.4.1	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm	37.026.500		37.026.500	
3.4.2	Kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	387.050.000		387.050.000	
3.4.3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023	133.000.000		133.000.000	
3.4.4	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP đợt II năm 2022 (lần 3)	1.459.658.474		1.459.658.474	
3.4.5	Kinh phí tổ chức cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng năm 2023	34.000.000		34.000.000	
3.4.6	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023	6.000.000.000		6.000.000.000	
3.4.7	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kinh phí hoạt động pháp chế và hoạt động chuyên ngành năm 2023	165.000.000		165.000.000	
3.4.8	Kinh phí thực hiện mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	522.722.000		522.722.000	
3.4.9	Kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ năm 2023	140.000.000		140.000.000	
3.4.10	Kinh phí thực hiện duy trì xã, phường, thị trấn lành mạnh không phát sinh tệ nạn mại dâm, ma túy năm 2023		20.000.000	20.000.000	
3.4.11	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ		1.133.025.000	1.133.025.000	
3.4.12	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm		200.316.375	200.316.375	
3.4.13	Kinh phí thực hiện mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng		232.165.000	232.165.000	
3.4.14	Kinh phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thị trấn Phú Lộc và thị trấn Hưng Lợi		1.311.569.100	1.311.569.100	
3.4.15	Kinh phí lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung để phòng chống COVID -19 năm 2021		256.239.630	256.239.630	



STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh 6 tháng năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.4.16	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho người lao động năm 2023		550.000.000	550.000.000	
3.4.17	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP đợt 1 năm 2023		1.081.589.884	1.081.589.884	
3.4.18	Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/07/1947-27/07/2023)		57.600.000	57.600.000	
3.4.19	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội		1.768.398.000	1.768.398.000	
3.4.20	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng năm 2023		909.900.000	909.900.000	
3.4.21	Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		270.000.000	270.000.000	
3.4.22	Kinh phí làm công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn năm 2023		10.000.000	10.000.000	
3.4.23	Kinh phí vốn đầu tư công năm 2023: Trường tiểu học Châu Hưng 1, xã Châu Hưng		2.200.000.000	2.200.000.000	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2022 chuyển sang năm 2023</b>	<b>84.685.789.225</b>	<b>0</b>	<b>84.685.789.225</b>	
<b>1</b>	<b>Chuyển nguồn ngân sách huyện</b>	<b>75.984.235.175</b>		<b>75.984.235.175</b>	
<b>2</b>	<b>Chuyển nguồn ngân sách xã</b>	<b>8.701.554.050</b>		<b>8.701.554.050</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>	<b>8.089.012.045</b>	<b>0</b>	<b>8.089.012.045</b>	
<b>1</b>	<b>Kết dư ngân sách huyện</b>	<b>4.784.225.146</b>		<b>4.784.225.146</b>	
<b>2</b>	<b>Kết dư ngân sách xã</b>	<b>3.304.786.899</b>		<b>3.304.786.899</b>	
<b>C</b>	<b>Dự toán chi ngân sách huyện (bao gồm chi trợ cấp ngân sách xã)</b>	<b>579.898.868.244</b>	<b>10.350.802.989</b>	<b>590.249.671.233</b>	
<b>I</b>	<b>Dự toán chi ngân sách cấp huyện</b>	<b>504.935.131.795</b>	<b>9.648.321.614</b>	<b>514.583.453.409</b>	
<b>1</b>	<b>Chi ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không bao gồm chi ngân sách xã)</b>	<b>357.087.000.000</b>		<b>357.087.000.000</b>	
1.1	Chi đầu tư phát triển	26.131.000.000		26.131.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên 4.261 triệu đồng)	372.271.000.000	0	372.271.000.000	
1.3	Chi dự phòng ngân sách	7.968.000.000		7.968.000.000	
<b>2</b>	<b>Chi bổ sung có mục tiêu đầu năm</b>	<b>29.990.000.000</b>		<b>29.990.000.000</b>	
	Từ nguồn xổ số kiến thiết	29.990.000.000		29.990.000.000	



STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh 6 tháng năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3	<b>Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu</b>	<b>37.089.671.474</b>	<b>9.648.321.614</b>	<b>46.737.993.088</b>	
3.1	<b>Chi bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>11.771.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>11.771.000.000</b>	
3.1.1	Kinh phí chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	8.183.000.000		8.183.000.000	
3.1.2	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	978.000.000	350.000.000	1.328.000.000	
-	Quản lý, điều hành, giám sát, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình, ... (cấp huyện 80 triệu đồng/huyện, thị xã)	80.000.000		80.000.000	
-	Đổi ứng với ngân sách Trung ương thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nội dung chính trang diện mạo nông thôn	848.000.000		848.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi	50.000.000		50.000.000	
3.1.3	KP vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	2.610.000.000		2.610.000.000	
-	Thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo QĐ số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	2.360.000.000		2.360.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường	200.000.000		200.000.000	
-	Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn; trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi	50.000.000		50.000.000	
3.2	<b>Chi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	<b>13.893.963.000</b>	<b>0</b>	<b>13.893.963.000</b>	
3.2.1	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển))	6.512.580.000		6.512.580.000	
3.2.2	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))	7.381.383.000		7.381.383.000	
3.3	<b>Chi chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>	<b>3.256.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.256.000.000</b>	



STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh 6 tháng năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))	3.256.000.000		3.256.000.000	
<b>3.4</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>8.168.708.474</b>	<b>9.298.321.614</b>	<b>17.467.030.088</b>	
3.4.1	Kinh phí kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023	387.050.000		387.050.000	
3.4.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023	133.000.000		133.000.000	
3.4.3	KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP đợt II năm 2022 (lần 3)	1.459.658.474		1.459.658.474	
3.4.4	Kinh phí tổ chức cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng năm 2023	34.000.000		34.000.000	
3.4.5	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023	6.000.000.000		6.000.000.000	
3.4.6	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kinh phí hoạt động pháp chế và hoạt động chuyên ngành năm 2023	15.000.000		165.000.000	
3.4.7	Kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ năm 2023	140.000.000		140.000.000	
3.4.8	Kinh phí thực hiện duy trì xã, phường, thị trấn lành mạnh không phát sinh tệ nạn mại dâm, ma túy năm 2023		20.000.000	20.000.000	
3.4.9	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ		1.133.025.000	1.133.025.000	
3.4.10	Kinh phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thị trấn Phú Lộc và thị trấn Hưng Lợi		1.311.569.100	1.311.569.100	
3.4.11	Kinh phí lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung để phòng chống COVID -19 năm 2021		256.239.630	256.239.630	
3.4.12	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho người lao động năm 2023		550.000.000	550.000.000	
3.4.13	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP đợt 1 năm 2023		1.081.589.884	1.081.589.884	
3.4.14	Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/07/1947-27/07/2023)		57.600.000	57.600.000	
3.4.15	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội		1.768.398.000	1.768.398.000	
3.4.16	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng năm 2023		909.900.000	909.900.000	
3.4.17	Kinh phí làm công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn năm 2023		10.000.000	10.000.000	
3.4.18	Kinh phí vốn đầu tư công năm 2023: Trường tiểu học Châu Hưng 1, xã Châu Hưng		2.200.000.000	2.200.000.000	
<b>4</b>	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2022 chuyển sang năm 2023 (bao gồm kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022)</b>	<b>75.984.235.175</b>	<b>0</b>	<b>75.984.235.175</b>	
<b>5</b>	<b>Chi kết dư ngân sách cấp huyện</b>	<b>4.784.225.146</b>	<b>0</b>	<b>4.784.225.146</b>	
	Trong đó:	0			
	Thực hiện một số nhiệm vụ khi phát sinh trong năm (bao gồm nộp trả mục tiêu ngân sách tỉnh)	4.784.225.146		4.784.225.146	



STT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh 6 tháng năm 2023	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp xã</b>	<b>74.963.736.449</b>	<b>702.481.375</b>	<b>75.666.217.824</b>	
1	Chi ngân sách cấp xã đầu năm	49.283.000.000		49.283.000.000	
2	Chi chuyển nguồn ngân sách xã	8.701.554.050		8.701.554.050	
3	Chi kết dư ngân sách xã	3.304.786.899		3.304.786.899	
4	<b>Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách huyện cho ngân sách cấp xã (từ nguồn mục tiêu tỉnh)</b>	<b>13.674.395.500</b>	<b>702.481.375</b>	<b>14.376.876.875</b>	
	Trong đó:				
-	Chi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	520.000.000		520.000.000	
-	Chi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023	9.815.647.000		9.815.647.000	
-	Chi chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	2.629.000.000		2.629.000.000	
-	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm	37.026.500		37.026.500	
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng; xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kinh phí hoạt động pháp chế và hoạt động chuyên ngành năm 2023	150.000.000		150.000.000	
-	Kinh phí thực hiện mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	522.722.000	200.316.375	723.038.375	
-	Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		270.000.000	270.000.000	
-	Kinh phí thực hiện mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với Công an xã bán chuyên trách theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng		232.165.000	232.165.000	